

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-01-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2020/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HGND ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 92/20B/12, X, Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 92/20B/12, X, Phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 44, đường ĐT852, khóm H, phường O, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2008, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2008 tại UBND phường An Hòa, thành phố Sa Đéc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng. Sau khi cưới về sống bên nhà cha mẹ chị A tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, mỗi khi uống say thường hay chửi bới vợ con. Mâu thuẫn cứ thế kéo dài cho đến nay không hòa giải được. Chị A khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Từ tháng 02/2020 anh T về nhà cha mẹ ruột ở Sa Đéc sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian anh T về Sa Đéc sống giữa vợ chồng cũng không có liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh T không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị Ân yêu cầu ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống với anh T có 01 con chung tên K, sinh ngày 16/10/2009, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về chia tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản khai ngày 01/10/2020 cháu K trình bày: Khi cha mẹ ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị A.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ân và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Cho chị A và anh T ly hôn; Về con chung: Giao cho chị A được quyền nuôi con tên K. Về cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên không xem xét. Về chia tài sản chung, nợ chung không xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại khóm Tân Hòa, phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị A có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, xét thấy trường hợp vắng mặt của chị A không thuộc trường hợp đình chỉ vụ án. Đối với bị đơn là anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2008 tại UBND phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị A và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống và công việc. Anh T là trụ cột trong gia đình nhưng không lo làm ăn, tạo ra thu nhập để lo cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu và khi uống rượu say còn kiếm chuyện la mắng vợ con. Mặc dù chị A đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi và anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2020 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Từ đó cho thấy cho tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã không thể hàn gắn được nữa. Về phía anh T biết việc chị A yêu cầu ly hôn và quá trình giải quyết vụ án anh T đều nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị A, cho thấy anh A đã từ bỏ quyền lợi của mình, anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị A. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh T đã không thể hàn gắn được. Do đó, chị A yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị A và anh T chung sống có 01 con chung tên K, sinh ngày 16/10/2009, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, từ khi được sinh ra cho đến nay cháu K sống chung với chị A và anh T ở thành phố Hồ chí Minh, hiện nay cháu đang đi học ở trường Q, Thành phố Hồ chí Minh, đang có cuộc sống ổn định với chị A, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hiện cháu K cũng còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Phía anh T không có sự quan tâm chăm sóc cũng như phụ tiếp tiền bạc để chị A lo cho con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao K cho chị A tiếp tục trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly

hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu K trong sinh hoạt và học tập. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, **Điều 228** Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị A. Cho ly hôn giữa chị A và anh T.

2. Về nuôi con chung:

Chị A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên K, sinh ngày 16/10/2009, hiện con đang sống với chị A.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A xác định không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị A nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị A đã nộp ngày **30/9/2020** theo biên lai thu số 0008331 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND phường An Hòa TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

